

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ DĨ AN
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 115/2018/HSST
Ngày: 17/5/2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Thắm.
- *Các Hội thẩm nhân dân:*
 1. Ông Nguyễn Văn Hoàn;
 2. Ông Ngô Văn Hòa.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Chu Thị Vân – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Chiến – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 108/2018/HSST ngày 24 tháng 4 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 113/2018/QĐXXST-HS ngày 04/5/2018 đối với:

Bị cáo: Nguyễn Đức T (tên gọi khác: T B), sinh năm 1992 tại tỉnh N; thường trú: Số 32/2 đường V, khu phố C, phường T, thị xã D, tỉnh B; chỗ ở: Số 364 khu phố B, phường A, thị xã D, tỉnh B; nghề nghiệp: Nhân viên; trình độ văn hóa: 11/12; con ông Nguyễn Đức Q, đã chết và bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1958; bị cáo có 03 anh chị em ruột, lớn nhất sinh năm 1985, nhỏ nhất là bị cáo; có vợ tên Huỳnh Thị D, sinh năm 1992 và 01 người con sinh năm 2013; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bắt tạm giam ngày 28/12/2017 cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

Huỳnh Thị D, sinh năm 1992; thường trú: Số 32/2 đường V, khu phố C, phường T, thị xã D, tỉnh B; chỗ ở: Số 364 khu phố B, phường A, thị xã D, tỉnh B. Có mặt.

- *Người làm chứng:*

1. Nguyễn Văn P, sinh năm 1974; địa chỉ: Số 251/6, khu phố C, phường T, thị xã D, tỉnh B. Vắng mặt.
2. Trần Duy T1, sinh năm 1971; địa chỉ: Ấp H, xã C, huyện B, tỉnh B; chỗ ở: Tổ 36, khu phố C, phường T, thị xã D, tỉnh B. Vắng mặt.

3. Võ Trọng P1, sinh năm 1990; địa chỉ: Xóm M, xã H, huyện L, tỉnh Q; chỗ ở: Khu phố Đ, phường T, thị xã D, tỉnh B. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Bị cáo Nguyễn Đức T bị Viện kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Nguyễn Đức T là nhân viên của quán Bar K tại địa chỉ: Khu phố T, phường Đ, thị xã D, tỉnh B. Vào khoảng 22 giờ 00 phút ngày 27/12/2017, Nguyễn Văn P, Trần Duy T và Võ Quang P1 đến quán bar K, ngồi uống bia và nghe nhạc tại bàn Vip22. Do có nhu cầu sử dụng ma túy cho hưng phấn trong lúc nghe nhạc nên P sử dụng điện thoại di động nhắn tin vào sim số 0988.022.567 của T để hỏi mua 03 viên thuốc màu xanh (là ma túy loại MDMA) cho P, T1, P1 sử dụng nên T đi đến bàn Vip 22 bán cho P 03 viên thuốc màu xanh với giá 600.000 đồng rồi tiếp tục làm việc bình thường. Sau khi mua ma túy của T, P cất 01 viên thuốc màu xanh vào túi quần, đưa cho T1 và P1 mỗi người 01 viên. T1 cất vào túi quần còn P1 bỏ vào miệng sử dụng. Đến khoảng 01 giờ 30 phút ngày 28/12/2017, lực lượng Công an thị xã D đến quán bar K kiểm tra, phát hiện P và T1 mỗi người có 01 viên thuốc màu xanh nên lập biên bản phạm tội quả tang.

Cùng ngày, Nguyễn Đức T bị bắt về hành vi mua bán trái phép chất ma túy.

Vật chứng trong vụ án:

- 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6, màu trắng hồng có sim số 0988.022.567.

- 02 viên thuốc màu xanh dạng rắn là ma túy, loại MDMA.

Tại Bản kết luận giám định số 585/MT-PC54 ngày 04/01/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh B kết luận: 01 viên thuốc màu xanh dạng rắn là ma túy, có trọng lượng 0,3478 gam, loại MDMA;

Tại Bản kết luận giám định số 587/MT-PC54 ngày 05/01/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh B kết luận: 01 viên nén màu xanh dạng rắn là ma túy, có trọng lượng 0,4071 gam, loại MDMA;

Cáo trạng số: 122/CT-VKS ngày 24/4/2018 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An đã truy tố bị cáo Nguyễn Đức T (tức T B) về tội Mua bán trái phép chất ma túy theo quy định tại khoản 1 Điều 251 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Tại phiên tòa, trong phần tranh luận đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã D giữ nguyên quyết định truy tố. Sau khi phân tích tính chất và hậu quả của hành vi phạm tội, tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm khoản 1 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 33 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Nguyễn Đức T từ 02 năm đến 02 năm 03 tháng tù và xử lý vật chứng theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Đức T đã khai nhận hành vi phạm tội như nội dung đã tóm tắt nêu trên và trước khi Hội đồng xét xử nghị án bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo do không am hiểu pháp luật dẫn đến phạm tội, bị cáo biết việc mình

làm là vi phạm pháp luật, bị cáo xin lỗi gia đình bị cáo, bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ mức án thấp nhất cho bị cáo để bị cáo sớm về hòa nhập cộng đồng làm người công dân tốt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thị xã D, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã D, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung vụ án: Vào khoảng 22 giờ 00 phút ngày 27/12/2017, trong khi ngồi uống bia và nghe nhạc tại bàn Vip22 của quán Bar K tại địa chỉ: Khu phố T, phường Đ, thị xã D, tỉnh B thì Nguyễn Văn P sử dụng điện thoại di động nhắn tin vào sim số 0988.022.567 của Nguyễn Đức T là nhân viên của quán bar K để hỏi mua 03 viên thuốc màu xanh (là ma túy loại MDMA) cho P, Trần Duy T1 và Võ Quang P1 sử dụng với giá 600.000 đồng. Sau khi mua ma túy của T, P cất 01 viên thuốc màu xanh vào túi quần, đưa cho T1 và P1 mỗi người 01 viên. T1 cất vào túi quần còn P1 bỏ vào miệng sử dụng. Đến khoảng 01 giờ 30 phút ngày 28/12/2017, lực lượng Công an thị xã D đến quán bar K kiểm tra, phát hiện P và T1 mỗi người có 01 viên thuốc màu xanh nên lập biên bản phạm tội quả tang. Quá trình điều tra, Nguyễn Đức T khai nhận đã trực tiếp bán số ma túy trên cho Nguyễn Văn P.

Căn cứ vào Bản kết luận giám định số 585/MT-PC54 ngày 04/01/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh B kết luận: 01 viên thuốc màu xanh dạng rắn là ma túy, có trọng lượng 0,3478 gam, loại MDMA;

Căn cứ vào Bản kết luận giám định số 587/MT-PC54 ngày 05/01/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh B kết luận: 01 viên nén màu xanh dạng rắn là ma túy, có trọng lượng 0,4071 gam, loại MDMA;

Như vậy, hành vi của bị cáo Nguyễn Đức T đã đủ yếu tố cấu thành tội Mua bán trái phép chất ma túy như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An đã truy tố và bản luận tội của Kiểm sát viên đề nghị đối với bị cáo Nguyễn Đức T là có căn cứ đúng người, đúng tội và đúng pháp luật. Bị cáo là người đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự.

[3] Tính chất, mức độ của hành vi: Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến chế độ độc quyền quản lý các chất gây nghiện của Nhà nước, gây mất trật tự an ninh tại địa phương. Bản thân bị cáo biết rõ tác hại của ma túy sẽ gây hiểm họa mắc nhiều căn bệnh nguy hiểm, là mầm mống của nhiều loại tội phạm khác. Bị cáo nhận thức được hành vi mua bán trái phép chất ma túy là vi phạm pháp luật nhưng vì động cơ tham lam, tư lợi nên bị cáo đã cố ý phạm tội.

Do đó, cần nghiêm trị và cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhằm răn đe giáo dục riêng cho bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

[4] Về điều luật áp dụng: Xét thấy, tại Cáo trạng số: 122/CT -VKS ngày 24/4/2018 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An đã truy tố bị cáo Nguyễn Đức T (tức T B về tội Mua bán trái phép chất ma túy theo quy định tại khoản 1 Điều 251 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Tuy nhiên, xét bị cáo thực hiện hành vi phạm tội trước ngày 01/01/2018, đối chiếu giữa khoản 1 Điều 194 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009 với khoản 1 Điều 251 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 thấy rằng mức hình phạt của hai điều luật là ngang bằng nhau. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 7 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 để áp dụng khoản 1 Điều 194 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009 là điều luật đang có hiệu lực thi hành tại thời điểm mà hành vi phạm tội được thực hiện để xử lý đối với bị cáo

[4] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Sau khi phạm tội bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Do đó, cần xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo theo quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự.

[6] Về nhân thân: Bị cáo là người lao động, chưa có tiền án, tiền sự, có 01 người con còn nhỏ, hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn.

[7] Đối với Nguyễn Văn P, Trần Duy T1 có hành vi Tàng trữ trái phép chất ma túy nhưng trọng lượng ma túy không đủ để xử lý hình sự, P và T1 chưa có tiền án, tiền sự. Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã D đã ra quyết định xử phạt hành chính và thông báo về địa phương để quản lý giáo dục là đúng quy định pháp luật.

[8] Đối với Võ Quang P1 có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy. Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã D đã ra quyết định xử phạt hành chính và thông báo về địa phương để quản lý giáo dục là đúng quy định pháp luật.

[9] Về xử lý vật chứng:

Đối với 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6 màu trắng hồng, bị cáo sử dụng vào việc phạm tội. Điện thoại này bị cáo sử dụng tiền của bị cáo và vợ là Huỳnh Thị D mua. Tuy nhiên, quá trình điều tra và tại phiên tòa chị D xác định tài sản trên hiện giá trị sử dụng còn lại thấp nên không có yêu cầu gì khác, đồng ý sung quỹ nhà nước theo quy định.

Đối với sim số 0988.022.567 bị cáo sử dụng làm phương tiện phạm tội và 600.0000 đồng bị cáo thu được từ việc mua bán ma túy cần tịch thu sung quỹ Nhà nước. Riêng số ma túy loại MDMD, trọng lượng 0,3478 gam và 0,4071 liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo, nhưng đã phục vụ hết cho công tác giám định nên không đề cập xử lý;

[10] Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã D, tỉnh B về áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và xử lý vật chứng là phù hợp.

[11] Án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo phải nộp theo quy định tại khoản 1, 2 Điều 99 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2003; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Đức T phạm tội Mua bán trái phép chất ma túy.

Áp dụng khoản 1 Điều 194, điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Đức T 02 (hai) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 28/12/2017.

2. Về xử lý vật chứng:

Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 41 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009; Điểm a, b, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Tuyên tịch thu tiêu hủy 01 sim điện thoại số 0988.022.567 liên quan đến việc phạm tội.

Tịch thu sung quỹ Nhà nước 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6 màu trắng hồng thu giữ của bị cáo Nguyễn Đức T.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 24/4/2018).

Buộc bị cáo Nguyễn Đức T nộp lại số tiền 600.000 đồng (sáu trăm nghìn đồng) thu được từ bán ma túy để sung quỹ Nhà nước.

3. Về án phí hình sự sơ thẩm:

Áp dụng khoản 1, 2 Điều 99 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2003; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Nguyễn Đức T phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND thị xã;
- Công an thị xã;
- Chi cục THA dân sự thị xã;
- Trại tạm giam CA tỉnh BD;
- TAND tỉnh BD;
- UBND phường T, thị xã D, tỉnh B;
- Phòng PV 27 CA tỉnh BD;
- Phòng PC 81 CA tỉnh BD;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Thắm

- Bị cáo;
- Người liên quan;
- Sở tư pháp tỉnh Bình Dương;
- Lưu: VT, HS.